

Bản án số: 76/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2026.
“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2026, về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2000. CCCD: 049300013667 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã P, thành phố Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Chu Văn C, sinh năm 1995. CCCD: 036095021500. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã P, thành phố Đ.

Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã P, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

Chị và anh Chu Văn C tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B Khoảng tháng 6/2025 xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi, mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Chu Văn C.

Về con chung: Chị và anh Chu Văn C có 02 con chung là Chu Nguyễn Gia A, sinh ngày 30/3/2022 và Chu Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 08/4/2024. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Chu Văn C quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không gửi ý kiến, không tham gia phiên tòa sơ thẩm.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2022. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trong thời gian sống chung có xảy ra mâu thuẫn gia đình. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ khoảng năm 2025 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án các bên không tham gia hòa giải và cương quyết chấm dứt hôn nhân. Phía bị đơn không hợp tác và không tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về con chung: Căn cứ tài liệu và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện các bên có 02 con chung tên là Chu Nguyễn Gia A, sinh ngày 30/3/2022 và Chu Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 08/4/2024. Quá trình giải quyết chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Phía anh C không hợp tác và không tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy các con chung của các bên còn nhỏ, trong đó có 01 con chưa đủ 36 tháng tuổi và 01 con còn lại chưa đủ 05 tuổi, hiện nay đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần thiết để người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Chu Văn C.

(*Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước*)

2. Về con chung: Giao các con chung Chu Nguyễn Gia A, sinh ngày 30/3/2022 và Chu Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 08/4/2024 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002278 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – Vp (SL: 10).

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

